| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:**19**/2023/DS-ST
Ngày 21-8-2023
*"V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần phương tiện thuỷ".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Nguyễn Bình Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trụ và bà Đào Thị Kim Liên.

***- Thư ký phiên tòa :*** ông Phạm Hoàng Hà, thư kýTòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc:"Tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần phương tiện thủy"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-DSngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/7/2023,giữa:

**1**. *Nguyên đơn*: Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm: 1956;
Địa chỉ: Tổ 8, phố BH, phường BH, thành phố VT, tỉnh PT.

**2**. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Quang V**, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số nhà 6, tổ 10, phố Đoàn Kết, phường BH, TP.VT, tỉnh PT.
*(Ông Đ, ông V đều có mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Dương Văn Đ trình bày như sau:***

Giữa ông Dương Văn Đ và ông Nguyễn Quang V có quen biết nhau vì là người cùng địa phương, phường BH, thành phố VT, tỉnh PT.

Ngày 16/02/2014, giữa ông Đ và ông V có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán cổ phần phương tiện thủy số: 01/MBCP; theo đó, ông V là chủ 01 con tàu Sà Lan máy, có biển số PT-0762, chiều dài 36,1m, rộng 6,02m, cao 1,79m; tổng công xuất 108CV, trọng tải toàn phần 162 tấn; theo Giấy chứng nhận số: 1009/ĐK do Sở Giao thông Vận tải tỉnh PT cấp ngày 24/3/2006; Giá trị toàn bộ

con tàu tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 500.000.000 đồng, đồng ý bán cho ông Đ 50% giá trị con tàu Sà Lan trên là: 250.000.000 đồng; mục đích để hai bên làm chung, cùng khai thác và chia lợi nhuận. Ông Đ đã thanh toán trước ông V 20.000.000 đồng ngay khi ký kết hợp đồng, còn lại số tiền 230.000.000 đồng ông Đ cam kết sẽ trả từng lần cho ông V tại Ngân hàng NN&PT nông thôn Việt Nam chi nhánh phường Thanh Miếu, vì ông V đang thế chấp con tàu Sà Lan này tại ngân hàng để vay tiền. Sau khi ông Đ đưa cho ông V số tiền 20.000.000 đồng, thì hai bên cùng nhau ký kết vào hợp đồng. Hợp đồng này chỉdo ông V và ông Đ biết và ký kết với nhau.

Sau đó, hai bên cùng nhau sử dụng kinh doanh chung với nhau, thời gian từ 24/3/2014 đến 12/5/2014; ông V là người trực tiếp lái tàu, còn ông Đ ở nhà và bỏ tiền ra để đầu tư. Quá trình này ông Đ đã chi phí mua dầu máy, trả lương cho công nhân, sửa chữa tàu ... trong đó có lắp đặt 01 bộ Sén hút với giá là: 83.700.000 đồng; tổng doanh thu trong thời gian này là: 174.600.000 đồng, trong thời gian này ông V chỉ đưa cho ông Đ số tiền 31.000.000 đồng. Sau ngày 12/5/2014, ông Đ và ông V không làm ăn chung với nhau nữa. Hiện nay ông V vẫn đang quản lý, sử dụng con tàu. Ông Đ thừa nhận trong quá trình làm ăn chung với ông V thì giữa hai bên không làm sổ sách theo dõi chung, mà sẽ được ghi và theo dõi vào sổ sách riêng của từng người.

Nay ông Đ khởi kiện đề nghị ông V phải thanh toán trả lại cho ông Đ tổng số tiền là: 190.245.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền ông Đ đầu tư góp vốn chung tàu cùng ông V khi ký kết hợp đồng, số tiền còn lại là: 170.245.000 đồng, đây là tiền mà ông Đ đầu tư và tiền lãi kinh doanh con tàu trong thời gian làm chung với ông V.

* ***Phía bị đơn là ông Nguyễn Quang V trình bày như sau:***

Về mối quan hệ ông V thừa nhận ông Đ trình bày như nêu trên là hoàn toàn đúng.

Về thời gian, nội dung góp vốn mua chung con tàu Sà Lan như ông Đ trình bày nêu trên cũng là đúng.

Nhưng về quá trình kinh doanh ông V trình bày như sau: Sau khi hai bên ký song hợp đồng thì ông V và ông Đ sử dụng con tàu Sà Lan để làm ăn kinh doanh chung với nhau, thời gian từ ngày 24/3/2014 đến ngày 02/6/2014; khi đó ông V là người lái tàu, còn ông Đ ở nhà; sau từng chuyến kinh doanh ông V đã đưa luôn cho ông Đ toàn bộ số tiền để ông Đ lo chi phí, việc này được thể hiện tại sổ sách theo dõi, ghi riêng của ông V. Ông V xác định trong thời gian làm ăn chung thì ông Đ và ông V không có sổ sách theo dõi chung. Ông V trình bày việc ông Đ cho rằng ông Đ bỏ toàn bộ tiền ra để sửa chữa, đầu tư vào con tàu Sà Lan của ông V là không đúng. Nay ông V chỉ nhất trí trả lại cho ông Đ số tiền đặt cọc khi ký kết hợp đồng là 20.000.000 đồng, còn số tiền khác ông không nhất trí, vì ông Đ chỉ góp vốn 20.000.000 đồng.

* ***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong

quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông V phải trả lại cho ông Đ số tiền góp vốn khi ký kết hợp đồng là 20.000.000 đồng; Về án phí: Ông Đ thuộc người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu tại phường BH, thành phố VT;Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xác định như sau:Ngày 16/02/2014, giữa ông Dương Văn Đ và ông Nguyễn Quang V có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán cổ phần phương tiện thủy số: 01/MBCP; theo đó, ông V là chủ 01 con tàu Sà Lan máy, có biển số PT-0762, chiều dài 36,1m, rộng 6,02m, cao 1,79m; tổng công xuất 108CV, trọng tải toàn phần 162 tấn; theo Giấy chứng nhận số 1009/ĐK do Sở Giao thông vận tải tỉnh PT cấp ngày 24/3/2006; Giá trị toàn bộ con tàu tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 500.000.000 đồng, đồng ý bán cho ông Đ 50% giá trị con tàu Sà Lan trên, với giá trị là: 250.000.000 đồng; mục đích để hai bên làm chung, cùng khai thác và chia lợi nhuận. Ông Đ đã thanh toán trước ông V 20.000.000 đồng khi ký kết hợp đồng, còn lại số tiền 230.000.000 đồng ông Đ sẽ trả từng lần cho ông V, nộp tại Ngân hàng NN&PT nông thôn Việt Nam chi nhánh phường Thanh Miếu, vì ông V đang thế chấp con tàu Sà Lan này tại ngân hàng để vay tiền. Sau khi ông Đ đưa cho ông V số tiền 20.000.000 đồng thì hai bên cùng nhau ký kết vào hợp đồng, việc ký kết hợp đồng chỉ hai bên biết với nhau. Sau đó, ông Đ và ông V cùng nhau sử dụng con tàu Sà Lan, kinh doanh chung với nhau, thời gian từ ngày 24/3/2014 đến ngày 12/5/2014; ông V là người trực tiếp lái tàu, còn ông Đ ở nhà và bỏ tiền ra để đầu tư. Nay ông Đ khởi kiện đề nghị ông V phải thanh toán trả lại cho ông Đ tổng số tiền là: 190.245.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền ông Đ đầu tư góp vốn chung tàu khi ký kết hợp đồng với ông V, còn lại số tiền: 170.245.000 đồng, là tiền mà ông Đ bỏ tiền đầu tư và tiền lãi trong thời gian kinh doanh làm chung với nhau. Nhưng phía ông V không nhất trí và cho rằng việc ông Đ bỏ toàn bộ tiền ra để sửa chữa, đầu tư vào con tàu Sà Lan là không đúng, ông V xác định đây là nguồn tiền chung của ông V và ông Đ, không phải của riêng ông Đ, quá trình làm ăn chung với nhau đã thanh toán song với nhau; nên nay ông V chỉ nhất trí trả lại cho ông Đ số tiền đặt cọc khi ký kết hợp đồng là 20.000.000 đồng, còn số tiền khác ông không nhất trí, vì ông Đ chỉ góp vốn 20.000.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng ký kết giữa ông Đ và ông V ngày 16/2/2014 thực chất là hợp đồng hợp tác, một bên góp vốn chung để cùng nhau kinh doanh, chia lợi nhuận. Theo hợp đồng mua bán cổ phần phương tiện tàu thuỷ, ông Đ có trách nhiệm lắp máy hút cát gầm cho tàu PT-0762 kinh phí được hai bên hạch toán sau. Bản thân ông Đ cho rằng ông đã lắp máy hút cát gầm là 83.700.000đồng, chi phí mua dầu, trả lương cho công nhân, sửa chữa tàu, tổng 190.245.000đồng … tuy nhiên, ông Đ không có tài liệu gì chứng minh ngoài sổ sách ghi chép. Bản thân ông V không thừa nhận, ông cho rằng mọi chi phí đều được hai bên hạch toán bằng nguồn tiền chung chứ không phải tiền riêng của ông Đ. Quá trình làm ăn kinh doanh, sau mỗi chuyến vận tải, ông V đều đưa tiền cho ông Đ, việc này hai bên đều thừa nhận (cụ thể: ông V đã đưa cho ông Đ số tiền 31.000.000 đồng). Mặt khác, ông Đ và ông V đều thừa nhận ông Đ mới chỉ trả cho ông V 20.000.000đ tiền bán cổ phần giá trị con tàu, số tiền 230.000.000 đồng còn lại ông Đ chưa trả cho ông V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đ và ông V đều trình bày mua máy hút cát của một người tên là Trần Văn Tuấn nhưng ông Đ lại xuất trình 02 gấy biên nhận người cung cấp vật tư là Trần Đình Huy có ghi nhận đủ số tiền nhưng không ghi rõ số tiền là bao nhiêu và tại phiên tòa ông Đ cũng không đề nghị triệu tập người có tên Trần Đình Huy đến phiên tòa để làm rõ yêu cầu của mình (ông Đ cũng xác định hiện nay không biết địa chỉ cụ thể anh Huy ở đâu, làm gì) và chỉ đề nghị Tòa án xem xét chứng cứ mà ông Đ cung cấp để xem xét yêu cầu của ông Đ nên Hội đồng xét xử, xét thấy các tài liệu, chứng cứ mà ông Đ cung cấp không có tính pháp lý và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc lắp máy hút cát gầm và các chi phí đầu tư góp vốn vào con tàu, do đó không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc buộc ông V phải thanh toán số tiền 20.000.000đồng là tiền mua cổ phần tàu Sà lan là phù hợp.

Về án phí: Ông Đ thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí; ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QuyÕt ®Þnh:**

[1]. Căn cứ vào: Điều 504, 505, 506, 507, 510 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Quang V phải có trách nhiệm trả lại cho ông Dương Văn Đ số tiền là: 20.000.000đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

*Khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thanh toán mà người được thi hành án có đơn đề nghị Thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.*

[3]. Về án phí: Ông Dương Văn Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp người cao tuổi).

Ông Nguyễn Quang V phải chịu 1.000.000 đồng, *(Một triệu đồng)*, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận***
- VKSND TP,tỉnh;
- Chi cục THA DSTP.VT;
- Các đương sự;
- Lưu HA, AV .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Luyến**